

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/8/2022
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **101/2022/TLST-HNGĐ** ngày 15 tháng 6 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **90/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Minh Đ, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Phan Thị Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Q kết hôn vào năm 2004 có đăng ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng

nói chung, dần dần cuộc sống vợ chồng trở nên lạnh nhạt, không hạnh phúc, không ai nói chuyện với ai. Mặc ai sống ra sao thì sống. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà Đ, Ông Q đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Đ và Ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 30/10/2005 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/7/2007. Hiện 02 con chung đang sống với ông Q. Bà Đ yêu cầu giao 02 con chung cho Ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ khai không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Đ kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung vợ chồng cũng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình cũng như cách sống hằng ngày. Đến khoảng tháng 5/2022 thì bà Đ tự ý bỏ nhà ra ngoài sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn thì Ông Q đồng ý vì không thể tiếp tục chung sống.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 30/10/2005 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/7/2007. Hiện 02 con chung đang sống với ông Q. Bà Đ yêu cầu giao 02 con chung cho Ông Q trực tiếp nuôi dưỡng thì Ông Q đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q khai không vay nợ ai.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Bà Phan Thị Minh Đ và bị đơn Ông Nguyễn Văn Q có đơn xin vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 và Điều 234 BLTTDS;

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Bà Đ và Ông Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2004 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Đ và Ông Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy bà Đ và Ông Q thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm, yêu thương nhau. Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Minh Đ cho bà Đ được ly hôn với ông Q ; Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T , sinh ngày 30/10/2005 và Nguyễn Thị Kim N , sinh ngày 12/7/2007 cho Ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”; bị đơn Ông Nguyễn Văn Q trú tại ấp Th, xã T, huyện C , tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn Bà Phan Thị Minh Đ và bị đơn Ông Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Minh Đ và Ông Nguyễn Văn Q tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2004 tại UBND xã T, huyện C , tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà Đ và Ông Q là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Nguyên đơn bà Đ và bị đơn Ông Q đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không còn quan tâm, yêu thương nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 5/2022 cho đến nay bà Đ và Ông Q đã sống ly thân, Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục đoàn tụ gia đình nhưng bà Đ , Ông Q không đồng ý và xin vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Đ và Ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, tình

cảm vợ chồng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà Đ yêu cầu được ly hôn với Ông Q là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Đ và Ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T , sinh ngày 30/10/2005 và Nguyễn Thị Kim N , sinh ngày 12/7/2007. Nguyên đơn bà Đ đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho Cha là Ông Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng sau ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Ông Q cũng thống nhất nuôi hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc bà Đ và Ông Q đều thống nhất giao 02 con chung là cháu Tâm và Ngân cho Cha trực tiếp nuôi dưỡng, cũng như nguyện vọng của cháu T và N đều muốn sống với Cha. Do đó, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ giao 02 cháu Nguyễn Thị Minh T , sinh ngày 30/10/2005 và Nguyễn Thị Kim N , sinh ngày 12/7/2007 cho Cha là Ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con do bà Đ và Ông Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Đ và Ông Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[2.5] Về nợ chung: Bà Đ và Ông Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Phan Thị Minh Đ phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 228; 266; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phan Thị Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Phan Thị Minh Đ được ly hôn với Ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Minh T , sinh ngày 30/10/2005 và Nguyễn Thị Kim N , sinh ngày 12/7/2007 cho Cha là Ông Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Bà Đ có nghĩa vụ tôn

trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị Minh Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 11850 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Thành Tâm-Chơn Thành-BP
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Dương Thị Thúy

**CÁC HỘI THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN –

**Phạm Xuân Đính
Thị Thúy**

Hồ Thị Xuân Thiều

Dương

